

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày 02-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diên.

2. Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. HOÀNG QUỐC B, sinh ngày: 15/02/1999, tại huyện Q, tỉnh H; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: ngày 04/9/2019. "*Có mặt*".

2. LÙ VĂN H, sinh ngày: 05/8/1998, tại huyện Q, tỉnh H; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn T, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: ngày 04/9/2019. "*Có mặt*".

3. HOÀNG ĐỨC L, sinh ngày: 01/8/1995, tại huyện Q, tỉnh H; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh H; nghề

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/9/2012 bị Công an huyện Quang Bình xử phạt vi phạm hành chính số 40 với mức hình phạt là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) về hành vi gây rối trật tự công cộng; bị bắt tạm giam: ngày 04/9/2019. "Có mặt".

- Bị hại: Chị Kim Thị T, sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ 2, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh H. "Có mặt".

+ Anh Mai Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Mới, xã X, huyện Q, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

+ Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

- Người làm chứng: Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh H. "Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 01/9/2019, Hoàng Quốc B mượn xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn đen BKS 23E1-171.91 của chú ruột là Hoàng Văn H đi chơi. Khoảng 16 giờ cùng ngày, B đến rủ Lù Văn H đi ra thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang chơi. Sau đó H điều khiển xe chở B từ xã Tân Bắc, huyện Quang B đến thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H và B đi từ thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang về xã Tân Bắc, huyện Quang Bình. Trên đường về B nói với H : “Anh có giật điện thoại không?”, H trả lời: “Mày giật đi, anh đèo mày về”, B nói tiếp: “Giật một cái điện thoại rồi về”. Khi đi đến trước Công ty lâm nghiệp Cầu Ham thuộc tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, B và H nhìn thấy chị Kim Thị T đang dừng xe vào lề đường bên phải, rút điện thoại từ trong túi xách ra để sử dụng, chị T cầm điện thoại phía trước mặt để nhắn tin. Thấy vậy, H điều khiển xe mô tô đến gần vị trí chị T đứng, sau đó bất ngờ áp sát vào chị T để cho B ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trên tay chị T. Sau khi B cướp giật được chiếc điện thoại, H điều khiển xe mô tô đi nhanh về hướng Quang Bình để tẩu thoát. Khi đi được 02 km thì H bảo B cho H xem điện thoại, B đưa điện thoại cho H xem. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H và B về đến nhà B, tại đây có gặp anh trai ruột của B là Hoàng Đức L. Cả H và B đều nói cho L biết vừa cướp giật được một chiếc điện thoại di động ở huyện Bắc Quang. Sau đó B đưa chiếc điện thoại vừa cướp giật được cho L xem. L cầm điện thoại và mở khóa

nhưng không được, sau đó có một cuộc gọi đến vào chiếc điện thoại vừa cướp giật được. L phát hiện ra số người quen, nên L đã tắt nguồn chiếc điện thoại và giấu ở dưới gối trên đầu giường của mình và đi ngủ. Còn B đưa H về nhà, trả xe mô tô cho chú H và về nhà ngủ. Khoảng 09 giờ ngày 02/9/2019, L ngủ dậy và lấy chiếc điện thoại di động B và H cướp giật được vào tối ngày 01/9/2019 ra. L tháo thẻ nhớ giấu ở lỗ gạch thứ ba từ mép cửa sổ phòng ngủ lên, tháo hai sim điện thoại ra, một sim L vứt qua cửa sổ phòng ngủ khoảng 1,6m, một sim L lắp vào điện thoại của L để sử dụng. Sau đó L lại giấu điện thoại B và H cướp giật được dưới gối và tiếp tục ngủ. Đến khoảng 11 giờ, B ngủ dậy và mang chiếc điện thoại di động cướp giật được tối ngày 01/9/2019 đi bán. Do không có xe nên B đã đi nhờ Nguyễn Cao C đi đến xã Xuân Giang, huyện Quang B để bán chiếc điện thoại. Sau khi ngủ dậy, không thấy B và điện thoại cướp giật được, L lấy điện thoại của mình có gắn sim trong chiếc điện thoại cướp giật được và gọi cho Hoàng Thị T1 là người yêu và đang ở nhà của H, hỏi H có ở nhà không thì T1 cho biết H không ở nhà. Một lúc sau, H đến nhà L, thấy không có B ở nhà nên H gọi điện thoại cho B, B nói đang đi bán điện thoại cướp giật được. L đến nhà chú Hoàng Văn H mượn xe mô tô BKS 23E1-171.91 và cùng H đến xã Xuân Giang. Tại xã Xuân Giang, B vào quán sửa chữa điện thoại “Tài Tình” bán cho Mai Văn T chiếc điện thoại cướp giật được ngày 01/9/2019 với giá 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi H và L gặp B gần trụ sở UBND xã Xuân Giang thì B chia cho H 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). B cầm 200.000đ, lấy xe mô tô BKS 23E1-171.91 đi vào hướng xã Tiên Yên, đi được khoảng 02km thì gặp một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ), H hỏi mua ma túy và người đàn ông đó đã bán cho H một gói ma túy Heroine giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). H sử dụng hết gói ma túy tại bụi cây ven đường. Về phía B và L, sau khi chia cho H một nửa tiền, B đi bộ khoảng 60m và gặp một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) và hỏi mua ma túy của người đàn ông này, sau đó người đàn ông bán cho B một gói ma túy với giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). B quay lại chỗ L đứng đợi và cùng L sử dụng hết gói ma túy ở bụi cây ven đường. Sau khi sử dụng ma túy xong, H quay lại chỗ L và B, sau đó cả ba đi về nhà.

Đối với chị Kim Thị T, sau khi bị cướp giật chiếc điện thoại đang sử dụng đã có đơn trình báo Công an huyện Bắc Quang giải quyết.

Quá trình điều tra đã xác định: Chiếc sim điện thoại Hoàng Đức L tháo từ chiếc điện thoại di động B và H cướp giật được tối ngày 01/9/2019 vứt ra ngoài cửa sổ phòng ngủ có số thuê bao: 0825.245.689 là một trong hai chiếc sim lắp trong điện thoại của chị Kim Thị T trước khi bị cướp giật. Quá trình nhận dạng, chị Kim Thị T và các bị cáo Hoàng Quốc B, Hoàng Đức L, Lù Văn H đều khẳng định chiếc điện thoại di động Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang thu giữ của Mai Văn T chính là chiếc điện thoại mà Hoàng Quốc B và Lù Văn H đã cướp giật được tối ngày 01/9/2019 của chị Kim Thị T, sau đó Hoàng Đức L đã cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐG ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận:

Một điện thoại di động bên trong có gắn thẻ nhớ, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Model SM-J700H/DS, vỏ màu vàng, viền màu trắng bạc, màn hình cảm ứng phía trên có nhiều vết nứt vỡ và phôi sim có tổng giá trị là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-BQ ngày 17/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Hoàng Quốc B và Lù Văn H về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố Hoàng Đức L về tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hoàng Quốc B và Lù Văn H về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo Hoàng Đức L về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Quốc B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, xử phạt bị cáo Lù Văn H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Đức L từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Quốc B, Lù Văn H, Hoàng Đức L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Các bị cáo Hoàng Quốc B và Lù Văn H khai nhận: Vào 22 giờ ngày 01/9/2019 tại trước Công ty Lâm nghiệp Cầu Ham thuộc tổ 13, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, sau khi trao đổi bị cáo Lù Văn H có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn đen BKS 23E1-171.91 chở Hoàng Quốc B áp sát bên trái chị Kim Thị T để bị cáo B dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Model SM-J700H/DS trên tay chị T rồi Lù Văn H nhanh chóng tăng ga bỏ chạy. Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Model SM-J700H/DS kèm phôi sim, đã qua sử dụng có giá trị 550.000đ (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích lấy tiền tiêu sài. Hành vi của các bị cáo B, H đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo Hoàng Đức L biết chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Model SM-J700H/DS do Hoàng Quốc B và Lù Văn H phạm tội mà có nhưng vẫn cất giấu. Hành vi của bị cáo L đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, cản trở cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Các bị cáo đều có đủ năng lực hành vi, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản xác định hiện trường, biên bản nhận dạng cùng tang vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để HĐXX kết luận các bị cáo Hoàng Quốc B và Lù Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo Hoàng Đức L phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết định khung hình phạt: Khi phạm tội, các bị cáo Hoàng Quốc B và Lù Văn H sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án, bị cáo Hoàng Quốc B và Lù Văn H không có sự câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà chỉ nhất thời phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Hoàng Quốc B là người khởi xướng và là người thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Lù Văn H với vai trò là người giúp sức tích cực cho hành vi cướp giật tài sản.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Quốc B, Lù Văn H, Hoàng Đức L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo B, H chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; cả ba bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và là cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; ông nội các bị cáo

là người có công đối với nước; bị cáo B ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Hoàng Đức L được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định đủ để răn đe giáo dục các bị cáo trở thành một người công dân sống có ích cho xã hội và cũng để phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, Hoàng Văn H là người cho Hoàng Quốc B mượn xe mô tô BKS 23E1-171.91, nhưng khi cho mượn H không biết bị cáo sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan Công an không xem xét xử lý là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Đối với Mai Văn T là người mua lại chiếc điện thoại cướp giật được với giá 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*), tuy nhiên khi mua T không biết điện thoại do phạm tội mà có nên cơ quan Công an không xem xét xử lý là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Đối với Nguyễn Cao C là người B đi nhờ xe đến xã Xuân Giang, huyện Quang B để bán chiếc điện thoại di động đã cướp giật được. Tuy nhiên, C không biết B đi bán điện thoại do phạm tội mà có, nên cơ quan Công an không xem xét xử lý là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Đối với hai người đàn ông đã bán ma túy cho Hoàng Quốc B và Lù Văn H, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh, tuy nhiên chưa xác định được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã tách các tài liệu liên quan, khi có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Hoàng Đức L, Hoàng Quốc B và Lù Văn H đã vi phạm khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP nên ngày 28/11/2019 Công an huyện Bắc Quang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00888, 00889, 00890 bằng hình thức cảnh cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là chị Kim Thị T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn T đã bỏ ra 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) mua điện thoại do bị cáo phạm tội mà có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] *Về xử lý vật chứng*:

Vật chứng là 01 (*một*) điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Model SM-J700H/DS, vỏ màu vàng, viền màu trắng bạc, 02 (*hai*) pin sim điện thoại mạng Vinaphone; 01 (*một*) thẻ nhớ điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Kingston 16GB là tài sản của chị Kim Thị T bị các bị cáo chiếm

đoạt, Công an đã lập biên bản trao trả lại tài sản cho chị Kim Thị T là đúng quy định của pháp luật, được HĐXX chấp nhận.

Vật chứng là 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 23E1-171.91, nhãn hiệu SYM, loại Star SR màu sơn đen là phương tiện các bị cáo B, H sử dụng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, qua xác minh xác định chiếc xe máy là của anh Hoàng Văn H, anh H không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện cướp giật tài sản nên cơ quan Công an đã lập biên bản trao trả lại tài sản cho anh Hoàng Văn H là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Vật chứng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím màu đen của bị cáo Hoàng Đức L không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, là cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo và đều có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Quốc B và Lù Văn H phạm "Tội cướp giật tài sản". Bị cáo Hoàng Đức L phạm "Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Quốc B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 04/9/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2020).

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lù Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 04/9/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Đức L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 04/9/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2020).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Đức L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím, màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 20/12/2019).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Quốc B, Lù Văn H, Hoàng Đức L.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Cơ quan Công an huyện Bắc Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

